TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 238/2022/DS-PT
Ngày 30/8/2022
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1961.

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

- Chị Lý Thanh Th, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

- Anh Lý Thành L1, sinh năm 2001 (Xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Kiều Anh V luật sư thuộc Công ty luật TNHH KAV Lawyers thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Tầng 2, số 74, Nguyễn Khoái, phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lý Kim T1, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Nghiệp, sinh năm 1964; Địa chỉ: 232/28/19 đường Lý Văn Lâm, khóm 2, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phạm Minh T4 –

Văn phòng Luật sư Trí Việt thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: số 25 đường 1/5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Huỳnh Kim H1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
- Anh Lý Thanh L2, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Mỹ P1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

- Ông Lý Văn T5, sinh năm 1956 (Có mặt)
- Anh Tô Bá P2, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

4. Người kháng cáo: Chị Lý Kim T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào khoảng tháng 10/2018, bà S có tham gia chơi hụi do chị H1 làm chủ hụi. Sau đó khi bà S bị bệnh thì con bà S là Lý Thành L1 hốt các chưng hụi do bà S tham gia. Do biết anh L1 hốt hụi có tiền nên chị Lý Kim T1 (chị ruột của Lợi) nói bà S còn nợ chị T1 số tiền 500.000.000 đồng nên buộc anh L1 giao trả tiền thay cho bà S. Do tin tưởng và chị T1 gây áp lực nên Lý Thành L1 đã đưa số tiền 500.000.000 đồng cho chị T1. Sau đó bà S khoẻ lại nói không có nợ nên yêu cầu chị T1 trả lại số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình bà S bị bệnh có giao chìa khóa nhà lại cho chị T1 để đưa lại cho bà U, tuy nhiên sau đó chị T1 tự ý mở tủ sắt lấy tổng số tiền 400.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 trả lại tổng số tiền 900.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của chị T1, anh P2 thì nguyên đơn không đồng ý vì không có nợ tiền chị T1 và anh P2.

Ông Ngô Minh Sơn là đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lý Kim T1 trình bày: Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng, khi bà S đi vắng nhà sẽ gửi chìa khoá nhà và tiền cho chị T1 quản lý, thông thường không kiểm đếm. Khi nghe bà S bệnh thì chị T1 có lấy 100.000.000 đồng đưa cho anh L2 (em thứ 3 trong gia đình) chuyển cho bà S trị bệnh tuy nhiên anh L2 không chuyển kịp nên có giao lại cho chị T1 100.000.000 đồng. Sau đó xác định tiền bà S gửi trong tủ tổng cộng 430.000.000 đồng. Chị T1 có đưa lại cho bà Nguyễn Ngọc U số tiền 130.000.000 đồng, còn giữ 300.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng này cho bà S. Đối với số tiền 500.000.000 đồng: Trước đây năm 2007 – 2008 trong quá trình làm hãng nước đá, ông T5, bà S khi đó là vợ chồng thiếu vốn đầu tư, để việc sản xuất thuận lợi cần thêm khoản bốn tỷ đồng. Do đó ông T5, bà S có mượn vợ chồng chị T1, anh P2 số tiền 2,8 tỷ đồng để xây dựng hãng nước đá. Tuy nhiên, việc sản xuất nước đá gặp khó khăn nên cần xây dựng thêm hãng nước lọc. Bà S đứng tên kinh doanh, trong đó lấy một phần nước lọc sản xuất nước đá còn một phần nước lọc giao cho vợ chồng chị T1 kinh doanh đối trừ số tiền 1,3 tỷ đồng, còn

nợ lại chị Thanh số tiền 1,5 tỷ đồng. Khi bà S hốt hụi do chị Huỳnh Kim H1 làm chủ thì chị T1 có lấy 500.000.000 đồng để đối trừ với số tiền 1,5 tỷ mà ông T5, bà S nợ chị T1, sau khi đối trừ thì còn nợ lại 01 tỷ đồng. Chị T1 nhận tiền do chị H1 đưa lại cho Nguyễn Mỹ P1 giao lại cho chị T1. Chị T1 không đồng ý trả lại 500.000.000 đồng này và yêu cầu được đối trừ với nghĩa vụ thanh toán tiền nợ của bà S.

Anh Lý Thành L1 trình bày bổ sung: Đối với việc tham gia chơi hụi của chị H1 là do bà S tham gia, tuy nhiên chỉ đóng được hai lần thì bà S bệnh, anh L1 là người tiếp tục tham gia chơi và đóng hụi đến khi hụi mãn. Hụi 5.000.000 đồng không nhớ tham gia chơi bao nhiêu chân nhưng hốt được 1.169.500.000 đồng nhưng phải đóng hụi chết lại. Phần tiền này chị H1 giao cho chị T1 số tiền 500.000.000 đồng và nói đóng đúp hụi chết lại 550.000.000 đồng và chỉ đưa lại cho tôi 119.500.000 đồng.

Ông Lý Văn T5 trình bày: Đối với số tiền 400.000.0000 đồng nguyên đơn yêu cầu thì ông T5 xác định là không biết về số tiền này. Đối với số tiền 500.000.000 đồng thì ông T5 có biết là do bà S nợ tiền của chị T1 trong khi bà S có tham gia chơi hụi của chị H1. Bà U là em của bà S và Lợi hốt hụi chị T1 không cho, nếu hốt thì phải trả cho chị T1, sau đó đồng ý trả 500.000.000 đồng cho chị T1 do bà S còn thiếu tiền chị T1. Ngoài ra, khi xây dựng hãng nước đá thì bà S là người đứng ra xây dựng khoản năm 2009. Tuy nhiên, do không đủ tiền nên tôi có nghe bà S nói lại là có mượn của vợ chồng chị T1 tổng cộng số tiền 2.800.000.000 đồng (chỉ nghe bà S nói lại với ông chứ ông không có trực tiếp chứng kiến việc mượn tiền và nhận tiền, theo ông biết thì cũng không có giấy tờ mượn tiền). Sau khi xây dựng hãng nước đá xong thì nguồn nước cung ứng làm nước đá không đảm bảo nên bà S mới xây dựng thêm hãng nước lọc để cung ứng một phần nước cho việc làm nước đá, phần còn lại kinh doanh bán nước lọc. Bà S là người đứng tên và đứng ra xây dựng hãng nước lọc. Sau đó bà S giao lại cho chị T1 và anh P2 quản lý hãng nước lọc và bán nước lọc tương ứng với 1.300.000.000 đồng. Như vậy còn nợ lại chị T1, anh P2 1.500.000.000 đồng. Việc kinh doanh của hãng nước đá và hãng nước lọc do bà S đứng ra trả tiền điện. Sau đó trả thêm 500.000.000 đồng từ tiền hốt hụi, do đó hiện nay còn nợ lại 1.000.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của chị T1, anh P2 thì ông T5 đồng ý trả 500.000.000 đồng với điều kiện là ông được phân chia tài sản với bà S do hiện nay ông đang yêu cầu Toà án cấp cao xem xét lại bản án giữa ông và bà S, còn nếu ông không được phân chia tài sản với bà S thì ông không đồng ý trả mà bà S phải là người trả cho chị T1, anh P2.

Ngày 05 tháng 05 năm 2021 bị đơn chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bà S và ông T5 trả số tiền một tỷ đồng.

Tại đơn xin xác nhận ngày 07 tháng 5 năm 2021 chị nguyễn Mỹ Phương trình bày: Bà Lý Kim T1 có nhờ tôi làm đơn xác nhận số tiền 500.000.000 đồng. Do đó nay tôi làm đơn xác nhận với nội dung: Khoảng đầu năm 2020 bà Huỳnh Kim H1 có đưa tôi số tiền 500.000.000 đồng kêu tôi đem tiền đến nhà bà Lý Kim

T1 đưa cho bà Lý Kim T1 và nói là tiền hụi của bà S hốt hụi trả cho bà T1 500.000.000 đồng. Khi giao tiền bà T1 không có làm biên nhận cho tôi. Ngày 28 tháng 5 năm 2021 Chị Nguyễn Mỹ P1 có đơn xin vắng mặt thể hiện: Việc bà Nguyễn Ngọc S yêu cầu bà Lý Kim T1 trả 900.000.000 đồng và bà Lý Kim T1 và ông Tô Bá P2 trả một tỷ đồng tôi không biết.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 chị Huỳnh Kim H1 có đơn xin xác nhận thể hiện: Khi mẹ tôi bệnh nằm ở bệnh viện có điện thoại về cho tôi nói con Thanh có kêu mẹ trả nợ cho nó một ít để nó đóng tiền học phí cho con nó. Con cho mẹ hốt chân hụi của mẹ, con lấy 500.000.000 đồng tiền mẹ hốt hụi gửi trả cho con Thanh, nói mẹ trả nợ cho nó. Tôi mới lấy 500.000.000 đồng tiền mẹ tôi hốt hụi đưa cho Nguyễn Mỹ P1 đến nhà chị T1 đưa cho chị T1. Chị Lý Kim T1 nhờ tôi xác nhận nội dung 500.000.000 đồng tôi gửi cho chị T1, nên tôi mới làm đơn xác nhận. Ngày 28 tháng 5 năm 2021 chị Huỳnh Kim H1 có đơn xin vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 anh Lý Thanh L2 có đơn xin xác nhận thể hiện: Khi cha mẹ tôi xây hãng nước đá không đủ tiền nên có mượn vợ chồng chị Lý Kim T1 số tiền 2.800.000.000 đồng là có thật. Do mối quan hệ mẹ con nên chị T1 và anh P2 cho mượn tiền không có làm biên nhận. Khoản tiền 500.000.000 đồng là khoản tiền mẹ tôi trả nợ cho chị T1, số tiền này mẹ tôi có điện về cho vợ tôi là Huỳnh Kim H1, để mẹ hốt hụi trả nợ cho chị T1. Khoản tiền mẹ tôi kiện chị Lý Kim T1 400.000.000 đồng: Đây là khoản tiền do mẹ tôi đi công chuyện không có ở nhà, nên mẹ đem tiền qua gửi cho chị T1 giữ dùm, không phải chị T1 chiếm đoạt. Tôi đã chứng kiến chị Lý Kim T1 có hỏi mẹ tôi có cần tiền xài không chị T1 gửi lại tiền cho mẹ tôi, thì mẹ tôi kêu chị T1 giữ lại tiền để trừ nợ với chị T1. Ngày 28 tháng 5 năm 2021 anh Lý Thanh L2 có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ quan điểm như đã trình bày .

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 bà Nguyễn Ngọc U có đơn xin vắng mặt thể hiện: Vào khoảng năm 2018 – 2019 tôi là người phụ giúp trực tiếp công việc cho bà S (bà S là chị ruột tôi) trong việc quản lý việc nhà và mua bán. Vào khoảng đầu năm 2019 thì bà S đi công việc có giao chìa khoá nhà, tủ tiền lại cho chị Lý Kim T1 quản lý (do chị T1 là con ruột của bà S). Bà S bị bệnh đột ngột phải chở đi Cà Mau trị bệnh lúc này chị T1 có mở tủ tiền để lấy tiền đưa cho Lý Thanh L2 (con bà S) 100.000.000 đồng để đi đưa cho bà S trị bệnh và giữ số tiền còn lại hơn 300.000.000 đồng. Tuy nhiên Liêm không đưa kịp đi Cà Mau nên về giao lại cho chị T1 tiếp tục quản lý. Việc chị T1 cho rằng có giao lại cho tôi số tiền hơn 100.000.000 đồng là không có. Tôi xác định chị T1 không có đưa cho tôi quản lý số tiền nào cả mà chị T1 là người trực tiếp quản lý số tiền trên, tôi không nhớ rõ là bao nhiêu nhưng hơn 400.000.000 đồng. Bà S hiện nay yêu cầu chị T1 trả số tiền này theo tôi là phù hợp do chị T1 là người giữ số tiền này. Trong thời điểm bà S bị bệnh tôi có biết Lợi (con bà S) có hốt hụi do chị H1 làm chủ hụi, tổng số tiền hụi hốt là 1.169.500.000 đồng. Trừ số tiền hụi chết bà S còn đóng lại 550.000.000

đồng còn lại được nhận 619.500.000 đồng. Chị H1 có đưa cho chị T1 số tiền 500.000.000 đồng. Theo tôi biết thì bà S không có nợ tiền của chị T1 nên việc chị T1 kêu Lợi (Lợi là em của Thanh) kêu chị H1 đưa tiền cho chị là không đúng nên phải trả lại cho bà S số tiền 500.000.000 đồng này. Chị T1 nói bà S và ông T5 còn nợ chị một tỷ đồng là không có. Tôi là người làm việc nhiều năm cùng bà S tôi chưa nghe bà S nói lần nào về việc bà S nợ chị T1 2.800.000.000 đồng. Do điều kiện công việc và đi lại khó khăn nên tôi không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo của Toà án. Nay tôi viết đơn này xin Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm (nếu có).

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 29/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S. Buộc chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 có nghĩa vụ trả lại số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc S.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 yêu cầu bà Nguyễn Ngọc S và ông Lý Văn T5 trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/5/2022 bị đơn là chị Lý Kim T1 kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Bà Nguyễn Ngọc S không đủ minh mẫn để ủy quyền cho Lý Thanh T2 và Lý Thành L1.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý Kim T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là chị Lý Kim T1 kháng cáo cho rằng bà S không đủ năng lực hành vi dân sự để khởi kiện cũng như ủy quyền cho anh L1 và chị T2 nên yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà S. Xem xét các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ thể hiện:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2001 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hiển (BL 162) có nội dung: Bà S khai hiện tại bị bệnh tai biến, đi

đứng và nói chuyện hơi khó khăn nhưng đầu óc và trí nhớ vẫn bình thường đủ minh mẫn để làm việc với cơ quan điều tra.

Tại biên bản xác minh ở cấp sơ thẩm ngày 26/4/2022 và biên bản làm việc vào lúc 13h40 phút ngày 30/8/2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau cũng thể hiện nội dung: Bà S xác định nội dung đơn khởi kiện và nội dung biên bản xác minh ngày 26/4/2022 là đúng với ý chí của bà S. Do bị bệnh điều kiện đi lại khó khăn nên bà đã ủy quyền cho con là chị T2 và anh L1 thay mặt bà tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa ông T5 là chồng bà S xác định bà S bị bệnh không đủ sức khỏe và minh mẫn để khởi kiện và ủy quyền cho chị T2, anh L1. Thấy rằng, trình bày này của ông T5 là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại thời điểm bà S xin ly hôn ông T5 được giải quyết bằng bản án số 08/2021/HNGĐ-PT ngày 19/3/2021 đã có hiệu lực pháp luật thì bà S đã bệnh trước đó nhưng ông T5 vẫn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, hoàn toàn không đặt ra vấn đề sức khỏe hay năng lực hành vi dân sự của bà S.

Như vậy, kháng cáo của chị T1 cho rằng bà S bị bệnh nên không đủ năng lực hành vi dân sự để khởi kiện là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của chị T1 không đồng ý trả cho bà S số tiền 900.000.000 đồng như án sơ thẩm tuyên buộc với lý do bà S có nợ chị T1 số tiền 1.500.000.000 đồng nên đây là số tiền bà S trả nợ cho chị T1. Thấy rằng: Đối với số tiền 400.000.000 đồng chị T1 thừa nhận chị là người trực tiếp quản lý chìa khoá và quản lý tủ đựng tiền của bà S trong thời gian bà S trị bệnh. Các lời trình bày của chị Thuý, anh L1, anh L2 đều xác định trong tủ tiền có đựng tiền. Chị Thuý, anh L1 là em ruột của chị T1 chứng kiến trực tiếp sự việc và xác định cụ thể trong tủ có hơn 400.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị T1 cho rằng đã đưa lại cho bà U số tiền 130.000.000 đồng. Tại các biên bản làm việc của Cơ quan điều tra, của Toà án thì bà U xác định không có nhận số tiền như chị T1 trình bày đưa cho bà. Chị Thuý, anh L1 đều xác định là chị T1 không có đưa cho bà U, chị T1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ cụ thể để xác định vấn đề này. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên toà chị T1 đều thừa nhận chị là người trực tiếp quản lý chìa khoá, mở tủ lấy tiền, số tiền trong tủ là hơn 400.000.000 đồng và thừa nhận hiện nay chị còn đang quản lý số tiền 300.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho bà S.

Đối với yêu cầu của bà S về số tiền 500.000.000 đồng, hồ sơ thể hiện: Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra công an huyện Ngọc Hiển cũng như quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì chị T1 thừa nhận có nhận 500.000.000 đồng của anh L1 từ chủ hụi là chị Huỳnh Kim H1 nhưng chị T1 cho rằng đây là số tiền bà S trả để trừ vào số nợ 1.500.000.000 đồng mà bà S nợ của chị. Tuy nhiên, bà S không thừa nhận có nợ chị T1 số tiền 1.500.000.000 đồng trong khi chị T1 không cung cấp được biên nhận, giấy tờ, tài liệu hay chứng cứ nào chứng minh bà S nợ

chị số tiền trên.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho chị T1 có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ là USB ghi âm cuộc điện thoại giữa ông Phước là em ruột bà S với chị T1, anh P2, nội dung ghi âm là ông Phước thừa nhận biết việc bà S có nợ tiền chị T1. Thấy rằng chứng cứ này cũng như các tờ xác nhận, làm chứng biết được sự việc nợ giữa bà S và chị T1 chỉ là chứng cứ gián tiếp do được nghe nói lại, được kể lại, không ai chứng kiến trực tiếp trong khi bà S không thừa nhận. Do vậy chứng cứ này không có cơ sở chứng minh là bà S có nợ chị T1 số tiền như chị T1 yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới ngoài các tài liệu chứng cứ đã được xem xét như đã nhận định nêu trên nên không có cơ sở xem xét để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là chị Lý Kim T1.

[3] Như vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong vụ án, cũng như tại các phiên toà đều thể hiện sự việc chị T1 có nhận giữ tiền và nhận tiền hốt hụi của bà S là thực tế có xảy ra, không có cơ sở xác định bà S nợ chị T1 số tiền 1.500.000.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T1 là có căn cứ phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã thu thập được và quy định của pháp luật. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lý Kim T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 29/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S. Buộc chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 có nghĩa vụ trả lại số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc S.

Kể từ khi bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T1, anh P2 chậm trả khoản tiền trên cho bà S thì chị T1, anh P2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 yêu cầu bà Nguyễn Ngọc S và ông Lý Văn T5 trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

3. Về án phí: Chị Lý Kim T1 và anh Tô Bá P2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 81.000.000 đồng (Tám mươi mốt triệu đồng). Chị T1 và anh P2 đã dự nộp số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019776 ngày 05/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ, còn lại 60.000.000 chị T1 và anh P2 tiếp tục nộp. Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn án phí nên không đề cập xem xét.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lý Kim T1 phải chịu 300.000 đồng, chị T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0020044 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng